

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐL12 GIỮA KÌ 2-12B

### Phần I.

**Câu 1. (NB)** Ngành dịch vụ **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập.
- B. Thúc đẩy quá trình đổi mới và hiện đại hóa của nền kinh tế.
- C. Nâng cao trình độ lao động, chất lượng cuộc sống người dân.
- D. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, mặt hàng xuất khẩu.

**Câu 2. (TH)** Nhân tố nào sau đây làm thay đổi phương thức sản xuất và xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới?

- A. Vị trí địa lí, thị trường.
- B. Chính sách phát triển kinh tế.
- C. Đặc điểm dân số.
- D. Khoa học - công nghệ.

**Câu 3. (NB)** Ngành bưu chính phát triển theo hướng

- A. đẩy mạnh các hoạt động công ích phục vụ xã hội.
- B. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông.
- C. phát triển mạng lưới sang các nước Đông Nam Á.
- D. tăng cường xây dựng các cơ sở văn hóa nông thôn.

**Câu 4. (TH)** Hai trục đường bộ xuyên quốc gia của nước ta là

- A. Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh.
- B. Đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 14.
- C. Quốc lộ 14 và quốc lộ 1.
- D. Quốc lộ 1 và quốc lộ 6.

**Câu 5. (VD)** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO MỘT SỐ NGÀNH VẬN TẢI CỦA  
NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

| Năm  | Đường biển | Đường hàng không |
|------|------------|------------------|
| 2010 | 61.593     | 190              |
| 2015 | 60.800     | 299              |
| 2019 | 77.088     | 446              |
| 2021 | 69.961     | 284              |

A. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển theo đường biển nhanh hơn đường hàng không.

B. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển theo đường biển chậm hơn đường hàng không.

C. Khối lượng hàng hóa vận chuyển theo đường biển năm 2021 thấp nhất so với các năm trước.

D. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển theo đường hàng không năm 2015 là 140% (năm 2010 = 100%).

**Câu 6. (NB)** Ngành nội thương phát triển mạnh nhất ở các vùng

- A. Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- D. Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 7. (TH)** Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố nào sau đây?

- A. Tiềm năng du lịch ở các vùng xa.
- B. Số lượng du khách đến tham quan.
- C. Chất lượng đội ngũ trong ngành.
- D. Vị trí địa lí và tài nguyên du lịch.

**Câu 8. (VD)** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là do

- A. nước ta mở rộng quan hệ buôn bán với nhiều nước.

**B.** dân số nước ta đông nên nhu cầu tiêu thụ mạnh.

**C.** các ngành sản xuất trong nước tăng trưởng nhanh.

**D.** thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

**Câu 9. (NB)** Điều kiện thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** diện tích đất feralit lớn.

**B.** khí hậu cận xích đạo.

**C.** nguồn lao động dồi dào.

**D.** địa hình bằng phẳng.

**Câu 10. (TH)** Khó khăn đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** đất đai còn kém màu mỡ.

**B.** bão, lũ lụt diễn ra hằng năm.

**C.** dịch bệnh xảy ra nhiều nơi.

**D.** chịu ảnh hưởng của gió phơn.

**Câu 11. (VD)** Thuận lợi lớn nhất đối với phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** địa hình đa dạng, mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**B.** có nhiều sông lớn, sông chảy trên địa hình dốc.

**C.** nhu cầu về điện tăng, cơ sở hạ tầng được đầu tư.

**D.** chính sách phát triển phù hợp, thu hút vốn đầu tư.

**Câu 12. (NB)** Thế mạnh nổi bật của vùng Đồng bằng sông Hồng là

**A.** khai thác khoáng sản.

**B.** trồng cây lương thực.

**C.** công nghiệp thủy điện.

**D.** chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 13. (VD)** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước do

**A.** địa hình đồng bằng bằng phẳng, nguồn nước tưới dồi dào.

**B.** nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn.

**C.** cơ sở hạ tầng hoàn thiện, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

**D.** trình độ thâm canh cao, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

**Câu 14. (NB)** Loại đất chủ yếu ở các đồng bằng của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** đất feralit.

**B.** đất phèn.

**C.** đất cát pha.

**D.** đất mặn.

**Câu 15. (VD)** Trong việc phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ, cần đặc biệt chú ý bảo vệ diện tích rừng phòng hộ vì

**A.** phục vụ cho nhu cầu sản xuất và dân sinh.

**B.** cung cấp lâm sản, nhiều loại dược liệu quý.

**C.** tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

**D.** địa hình dốc, thường xuyên xảy ra thiên tai.

**Câu 16. (NB)** Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

**A.** cây ăn quả ôn đới, nuôi gia cầm.

**B.** đánh bắt gần bờ, sản xuất muối.

**C.** khai thác than nâu, điện mặt trời.

**D.** đánh bắt xa bờ, du lịch biển đảo.

**Câu 17. (NB)** Thuận lợi để phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.

**B.** có nhiều ngư trường lớn, giàu hải sản.

**C.** có quần đảo và nhiều bãi biển đẹp.

**D.** độ mặn nước biển cao, có các đảo.

**Câu 18. (VD)** Mục đích chủ yếu của việc phát triển giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tăng vai trò trung chuyển, phân bố lại dân cư.

**B.** mở rộng giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội.

**C.** tạo thế mở cửa, thúc đẩy phân công lao động.

**D.** thúc đẩy phát triển công nghiệp và đô thị hóa.

**Câu 20. (NB)** Nhân tố tự nhiên nào dưới đây giúp nước ta phát triển nhiều loại hình du lịch đa dạng?

**A.** Dân cư.

B. Thị trường.

C. Chính sách.

D. Địa hình.

**Câu 21. (NB)** Loại hình giao thông vận tải nào có vai trò quan trọng nhất ở nước ta?

A. Đường biển.

B. Đường hàng không.

C. Đường sông.

D. Đường ô tô.

**Câu 22. (NB)** Đặc điểm nổi bật của ngành viễn thông nước ta hiện nay là

A. phong phú đa dạng về loại hình.

B. về cơ bản đã phủ kín ở các vùng

C. mạng lưới nhìn chung còn lạc hậu.

D. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

**Câu 22. (NB)** Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay

A. phân bố đồng đều ở các địa phương.

B. hoàn toàn phụ thuộc kinh tế tư nhân.

C. chỉ tập trung vào mặt hàng tiêu dùng.

D. ngày càng có sự mở rộng thị trường.

**Câu 23. (NB)** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể mạnh phát triển ngành nào sau đây?

A. Cây công nghiệp.

B. Chăn nuôi gia cầm.

C. Đánh bắt thủy sản.

D. Trồng cây lúa nước.

**Câu 24. (NB)** Vùng Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với vùng nào sau đây của nước ta?

A. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.

B. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ, Trung du miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 25. (NB)** Bắc Trung Bộ có thể mạnh để hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế tổng hợp, bao gồm:

A. nông nghiệp, chăn nuôi và công nghiệp chế biến.

B. nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

C. công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.

D. nông nghiệp, công nghiệp chế biến và du lịch.

**Câu 26. (NB)** Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

A. cây ăn quả ôn đới, nuôi gia cầm.

B. đánh bắt gần bờ, sản xuất muối.

C. khai thác than nâu, điện mặt trời.

D. đánh bắt xa bờ, du lịch biển đảo.

**Câu 27. (TH)** Nhân tố nào dưới đây góp phần thu hút vốn đầu tư và nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ?

A. Dân cư.

B. Thị trường.

C. Cơ sở vật chất – kỹ thuật.

D. Chính sách.

**Câu 28. (TH)** Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố nào sau đây?

A. Quy mô dân số và chất lượng sống.

B. Số lượng du khách đến tham quan.

C. Chất lượng đội ngũ trong ngành.

D. Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch.

**Câu 29. (TH)** Thế mạnh để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng cây cận nhiệt và ôn đới là

A. có diện tích đất fe-ra-lit lớn.

B. có mưa phùn vào cuối mùa đông.

C. có vùng trung du trải rộng.

D. có khí hậu cận nhiệt đới.

**Câu 30. (TH)** Thuận lợi để phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.

B. giàu hải sản và có ngư trường lớn.

C. có quần đảo và nhiều bãi biển đẹp.

D. độ mặn nước biển cao, có các đảo.

**Câu 31. (VD)** Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy ngành giao thông vận tải nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây là

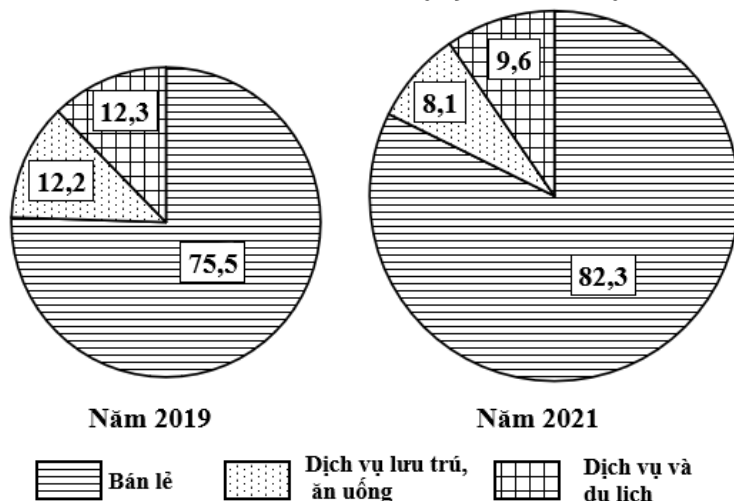
A. có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

B. nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

C. thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư.

D. đời sống nhân dân được nâng cao.

**Câu 32. (VD)** Cho biểu đồ tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh của nước ta năm 2019 và năm 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

B. Quy mô và tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

C. Quy mô và cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

D. Chuyển dịch cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

**Câu 33. (VD)** Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng chống dịch.

B. phát triển trang trại, đảm bảo nguồn thức ăn, đẩy mạnh chế biến.

C. cải tạo các đồng cỏ, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng thương hiệu.

D. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.

**Câu 34. (VD)** Dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng tăng trưởng nhanh chủ yếu do

A. dân số đông, hàng hóa phát triển, nhiều trung tâm kinh tế.

B. lao động có chuyên môn cao, vốn đầu tư nước ngoài tăng.

C. nhập cư nhiều, dân đông, chất lượng cuộc sống nâng cao.

D. nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, cơ sở hạ tầng tốt.

**Câu 35. (VD)** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

A. đổi mới trồng trọt, tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi bộ mặt nông thôn.

**B.** thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.

**C.** phân bổ lại sản xuất, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nông sản.

**D.** phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp.

**Câu 36. (VD)** Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nhiều loại hình du lịch biển dựa trên các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

**A.** Mức sống tăng, tăng cường hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch.

**B.** Tài nguyên phong phú, nguồn đầu tư lớn, nhu cầu du khách đa dạng.

**C.** Trình độ lao động nâng cao, cơ sở vật chất được cải thiện, vốn nhiều.

**D.** Cơ sở hạ tầng và cơ sở lưu trú được đầu tư, quan hệ quốc tế mở rộng.

**Câu 37 (VD): Dựa vào bảng số liệu sau:**

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước và Đồng bằng sông Hồng năm 2010, năm 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

|                     | Năm | 2010    | 2021    |
|---------------------|-----|---------|---------|
| Lãnh thổ            |     |         |         |
| Cả nước             |     | 1 677,3 | 4 407,8 |
| Đồng bằng sông Hồng |     | 338,3   | 1 143,1 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Nhận định nào sau đây đúng với tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2010 – 2021?

**A.** Giá trị tăng liên tục và chiếm tỉ trọng ngày càng cao so với cả nước.

**B.** Tăng nhanh về giá trị nhưng tỉ trọng trong cả nước giảm.

**C.** Giá trị tăng gấp đôi nhưng tỉ trọng trong cả nước giảm.

**D.** Tăng nhanh về giá trị và tăng gấp đôi về tỉ trọng trong cả nước

**Câu 38 (TH):** Khu vực đồi núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh trong việc

**A.** trồng cây công nghiệp hàng năm, cây dược liệu, trồng rừng và chăn nuôi lợn.

**B.** trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn và trồng rừng

**C.** trồng rừng, trồng rau quả cận nhiệt và chăn nuôi gia súc nhỏ.

**D.** trồng cây công nghiệp, cây rau đậu và chăn nuôi lợn.

**Câu 39 (NB).** Tỉnh/thành phố nào sau đây thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Quảng Nam.      **B.** Quảng Bình.      **C.** Quảng Trị.      **D.** Quảng Ninh.

**Câu 40 (TH).** Thuận lợi đối với phát triển các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** dọc bờ biển có nhiều vịnh nước sâu.      **B.** có phong cảnh đẹp ở nhiều bãi biển.

**C.** có nhiều ngư trường trọng điểm lớn      **D.** có tiềm năng dầu khí ở thềm lục địa.

**Câu 41 (NB):** Các giải pháp công nghệ hiện nay tạo ra loại hình dịch vụ mới nào dưới đây?

**A.** Giao thông đường hàng không.      **B.** Giao thông thông minh.

**C.** Du lịch trên không.      **D.** Thương mại nội địa.

**Câu 42 (VD).** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ NĂM 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

|            | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
|------------|--------------|------------------------|
| Nuôi trồng | 183,9        | 101,3                  |
| Khai thác  | 512,2        | 1169,2                 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng về ngành thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ

**A.** Sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn Bắc Trung Bộ.

**B.** Tỉ trọng thủy sản khai thác ở Bắc Trung Bộ cao hơn Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ có sản lượng và tỉ trọng thủy sản khai thác cao hơn Bắc Trung Bộ.

**D.** Duyên hải Nam Trung Bộ có sản lượng và tỉ trọng thủy sản nuôi trồng cao hơn Bắc Trung Bộ.

**Câu 43(TH):** Nhân tố nào dưới đây góp phần thu hút vốn đầu tư và nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ?

A. Dân cư.

B. Thị trường.

C. Cơ sở vật chất – kĩ thuật.

D. Chính sách.

**Câu 44 (NB).** Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

A. Trình độ công nghệ, lao động, cơ sở vật chất kĩ thuật.

B. Sự phân bố dân cư và nguồn lao động có trình độ cao.

C. Chính sách phát triển ngành dịch vụ, khí hậu thuận lợi.

D. Nguồn vốn đầu tư, vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 45 (NB).** Vị trí địa lí của nước ta thuận lợi cho loại hình dịch vụ vận tải nào sau đây phát triển?

A. Đường sắt và đường thủy.

B. Đường biển và hàng không.

C. Đường ô tô và đường biển.

D. Đường thủy và đường ống.

**Câu 46 (NB).** Quốc lộ 1 chạy từ

A. Hà Nội đến Cà Mau.

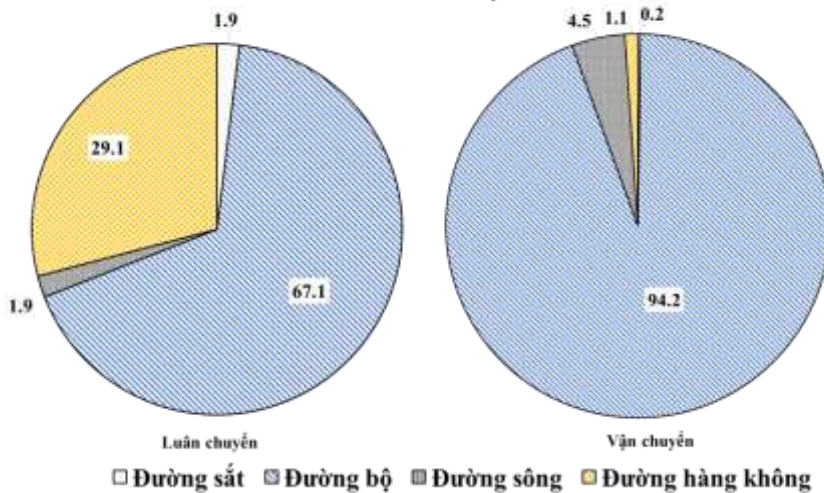
B. Hà Nội đến Kiên Giang.

C. Lạng Sơn đến Cần Thơ.

D. Lạng Sơn đến Cà Mau.

**Câu 47(VD).** Cho biểu đồ

**BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNH KHÁCH PHÂN THEO LOẠI HÌNH GIAO THÔNG NĂM 2017**



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng về khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách theo loại hình giao thông năm 2017 ?

A. Khối lượng vận chuyển hành khách của đường hàng không lớn hơn khối lượng luân chuyển nhiều lần.

B. Khối lượng luân chuyển đường sông không nhiều bằng khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển hành khách bằng đường sắt luôn lớn nhất.

D. Loại hình đường bộ có khối lượng luân chuyển hàng hóa chiếm nhỏ nhất.

**Câu 48(NB).** Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay

- A. có thị trường chủ yếu là ở châu Phi  
C. rất ít thành phần kinh tế tham gia.
- B. bạn hàng ngày càng đa dạng hơn.  
D. các mặt hàng chủ đạo là máy móc

**Câu 49(VD).** Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2022**

(Đơn vị: Tỷ USD)

| Năm               | 2010 | 2015  | 2020  | 2022  |
|-------------------|------|-------|-------|-------|
| Giá trị xuất khẩu | 72,2 | 162,0 | 282,6 | 371,3 |
| Giá trị nhập khẩu | 84,8 | 165,8 | 262,7 | 358,9 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010-2022.

- A. Tròn  
B. Cột  
C. Miền  
D. Đường.

**Câu 50(NB):** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.  
B. Tây Nguyên.  
C. Đông Nam Bộ.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 51(NB).** Khoáng sản nào sau đây tập trung nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. A-pa-tit, thiếc, chì, kẽm, sắt.  
B. Than, dầu mỏ, a-pa-tit.  
C. Bô-xit, kẽm, crôm, man-gan.  
D. Ti-tan, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt.

**Câu 52(TH).** Việc phát huy thế mạnh của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ mang lại ý nghĩa nào sau đây về mặt xã hội?

- A. Sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên.  
B. củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc.  
C. Giảm sự chênh lệch mức sống các dân tộc.  
D. Góp phần bảo vệ tốt an ninh biên giới.

**Câu 53(VD).** Tại sao cần phải chú ý đến vấn đề môi trường trong các công trình thủy điện lớn ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Làm thay đổi dòng chảy của sông ngòi, gây nên tình trạng lũ quét ở vùng hạ lưu sông.  
B. Ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, đất, làm thay đổi dòng chảy và lưu lượng con sông.  
C. Làm thay đổi môi trường trong vùng, tác động mạnh đến môi trường vùng hạ lưu sông.  
D. Làm suy giảm tài nguyên rừng, gây nên tình trạng ngập lụt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 54(VD).** Việc nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác thế mạnh nổi bật của vùng ven biển.  
B. Đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
C. Tạo thế liên hoàn phát triển kinh tế theo không gian.  
D. Thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ven biển.

## Phần II.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng trâu của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước giai đoạn 2018 - 2021**

(Đơn vị: Nghìn con)

| Năm                         | 2018   | 2019   | 2020   | 2021   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1391,2 | 1332,4 | 1293,9 | 1245,3 |
| Cả nước                     | 2486,9 | 2388,8 | 2332,8 | 2262,9 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

**A.** Năm 2021, đàn trâu của vùng chiếm hơn 1/2 cả nước.

**B.** Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục qua các năm

**C.** Vùng nuôi nhiều trâu vì có điều kiện khí hậu phù hợp.

**D.** Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Phần lớn diện tích của Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, tạo nên nền đất phù sa màu mỡ. Đây là điều kiện lý tưởng cho sản xuất nông nghiệp. Khu vực ven biển có địa hình đa dạng với nhiều vũng, vịnh, cùng hệ thống đảo, quần đảo có tiềm năng to lớn cho phát triển du lịch, thủy sản, giao thông vận tải biển.

**A.** Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

**B.** Đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho vùng phát triển lâm nghiệp và thủy sản.

**C.** Khu vực ven biển thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

**D.** Đất đai và địa hình là yếu tố quyết định sự đa dạng cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích 51,2 nghìn km<sup>2</sup>, dân số 11 triệu người năm 2021, lãnh thổ kéo dài từ bắc xuống nam với ba dạng địa hình đồi núi phía tây, đồng bằng chuyển tiếp, thềm lục địa và đảo phía đông. Khí hậu hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**a)** Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển kinh tế biển.

**b)** Phía tây của vùng tiếp giáp với Biển Đông.

**c)** Bắc Trung Bộ là vùng có nguy cơ xảy ra nhiều thiên tai.

**d)** Sự hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế nông – lâm - ngư nghiệp của vùng do sự phân hóa đặc điểm địa hình lãnh thổ.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG VÙNG DUYÊN HẢI NAM  
TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2018 – 2021**

(Đơn vị: nghìn tấn)

| Năm               | 2018   | 2020   | 2021   |
|-------------------|--------|--------|--------|
| <b>Khai thác</b>  | 1164,1 | 1245,1 | 1270,4 |
| <b>Nuôi trồng</b> | 91,3   | 100,3  | 101,5  |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

**a)** Tổng sản lượng thủy sản tăng.

**b)** Sản lượng thủy sản khai thác luôn nhỏ hơn nuôi trồng.

**c)** Cơ cấu ngành thủy sản đang thay đổi theo xu hướng giảm tỉ trọng ngành khai thác.

**d)** Hoạt động nuôi trồng thủy sản đang được đẩy mạnh là do nhu cầu thị trường lớn.

## **II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Phần lớn diện tích của Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, tạo nên nền đất phù sa màu mỡ. Đây là điều kiện lý tưởng cho sản xuất lương thực, thực phẩm,

trồng cây ăn quả và phát triển thâm canh lúa nước, rau đậu, cây công nghiệp hàng năm. Khu vực ven biển có địa hình đa dạng với nhiều vũng, vịnh, cùng hệ thống đảo, quần đảo như Vân Đồn, Cát Bà, Cô Tô, Bạch Long Vĩ. Vùng biển này có tiềm năng to lớn cho phát triển du lịch, thủy sản, giao thông vận tải biển. Nhìn chung, địa hình và đất đai ở Đồng bằng sông Hồng mang lại nhiều lợi thế cho sự phát triển kinh tế đa dạng, đặc biệt là nông nghiệp, du lịch và khai thác tài nguyên biển.

- a) (NB) Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.
- b) (NB) Đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp và thủy sản.
- c) (TH) Khu vực ven biển thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.
- d) (VD) Đất đai và địa hình là yếu tố quyết định sự đa dạng cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2. Cho một số thông tin về vùng kinh tế Bắc Trung Bộ:**

Bắc Trung Bộ có dải đồng bằng ven biển với đất phù sa, đất cát phù hợp trồng cây công nghiệp hàng năm và cây lương thực. Khu vực gò đồi có diện tích tương đối rộng, thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn; một số nơi có đất badan khá màu mỡ, tạo điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và trồng rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hoá theo độ cao địa hình thuận lợi cho phát triển các cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới.

- a) (NB) Khu vực đồi núi thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi
- b) (NB) ) Cơ cấu cây công nghiệp thích hợp với địa hình, đất đai và khí hậu là cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, lạc, mía
- c) (TH) Các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên và góp phần phát triển bền vững là nông - lâm - ngư kết hợp
- d) (VD) Việc sản xuất các nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới chủ yếu là do sự đa dạng của địa hình

**Câu 3: Cho thông tin sau:**

Duyên hải Nam Trung Bộ có vùng biển rộng và nhiều ngư trường lớn. Đường bờ biển dài với nhiều vịnh biển sâu như: vịnh Vân Phong, Cam Ranh, Đà Nẵng..., nhiều bãi biển đẹp như: Nha Trang, Mũi Né, Non Nước, Mỹ Khê, nhiều khu dự trữ sinh quyển..., và nhiều khoáng sản có giá trị đã tạo điều kiện thuận lợi để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

- a) (NB) Vùng biển rộng với nhiều vịnh biển sâu thuận lợi cho phát triển ngành khai thác khoáng sản.
- b) (NB) Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh trong phát triển du lịch biển với sản phẩm du lịch đa dạng
- c) (TH) Khai thác thủy sản là ngành kinh tế quan trọng nhất, với lợi thế có hai ngư trường trọng điểm.
- d) (VD) Phát triển kinh tế biển có vai trò quan trọng trong việc củng cố, hoàn thiện và phát triển an ninh quốc phòng của vùng và cả nước.

**Câu 4: Cho bảng số liệu:**

**Số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và năm 2021**

(Đơn vị: triệu con)

| Vật nuôi | Năm | 2010 | 2021 |
|----------|-----|------|------|
|          |     |      |      |
| Trâu     |     | 1,61 | 1,24 |
| Bò       |     | 0,99 | 1,21 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

- a) (NB) Tổng đàn trâu, bò của vùng tăng rất nhanh
- b) (NB) Số lượng đàn trâu luôn nhỏ hơn đàn bò
- c) (TH) Số lượng đàn trâu, bò lớn chủ yếu do có nhiều đồng cỏ tự nhiên lớn

d) (VD) Vùng nuôi nhiều trâu hơn bò vì phù hợp với điều kiện khí hậu

Phần II.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG,  
GIAI ĐOẠN 1995-2022**

(Đơn vị: nghìn tấn)

| Hình thức                      | 1995 | 2000 | 2005 | 2010  | 2015  | 2022  |
|--------------------------------|------|------|------|-------|-------|-------|
| Vận chuyển hàng hóa trong nước | 17,2 | 24,2 | 65,0 | 121,6 | 130,2 | 180,7 |
| Vận chuyển hàng hóa quốc tế    | 14,6 | 21,0 | 46,0 | 68,5  | 99,4  | 91,7  |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

|                                                                                                                                  |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| a) Khối lượng vận chuyển hàng hóa trong nước giảm dần trong giai đoạn 1995 - 2022.                                               | SAI  |
| b) Khối lượng vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng dần trong giai đoạn 1995 - 2022.                                                  | ĐÚNG |
| c) Khối lượng vận chuyển hàng hóa trong nước chiếm 59% trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không năm 2005. | ĐÚNG |
| d) Khối lượng vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng nhanh hơn khối lượng vận chuyển hàng hoá trong nước.                              | SAI  |

Câu 2. Đọc đoạn thông tin, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:

“Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, công nghiệp là ngành kinh tế phát triển sớm và có vai trò quan trọng. Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng cao và tăng nhanh, chiếm trên 37% so với cả nước vào năm 2021, chỉ đứng sau Đông Nam Bộ. Công nghiệp của vùng đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước”.

|                                                                                                                                      |      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| a) Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước năm 2021.                                                | SAI  |
| b) Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có lịch sử phát triển lâu đời, có Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn bậc nhất cả nước.  | ĐÚNG |
| c) Trong những năm gần đây, vùng Đồng bằng sông Hồng đẩy mạnh khai thác than nâu và khí tự nhiên để phát triển nhiệt điện.           | SAI  |
| d) Khoáng sản kim loại ở vùng Đồng bằng sông Hồng có trữ lượng lớn và có vai trò quan trọng nhất để phát triển công nghiệp của vùng. | SAI  |

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: tỉ USD)

| Năm       | 2010 | 2015  | 2020  | 2021  |
|-----------|------|-------|-------|-------|
| Xuất khẩu | 72,2 | 162,0 | 282,6 | 336,1 |
| Nhập khẩu | 84,8 | 165,7 | 262,8 | 332,9 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

|                                                           |      |
|-----------------------------------------------------------|------|
| a) Giá trị xuất khẩu ở nước ta tăng liên tục qua các năm. | ĐÚNG |
| b) Giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn giá trị xuất khẩu.      | SAI  |
| c) Việt Nam luôn là nước xuất siêu trong giai đoạn trên.  | SAI  |
| d) Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.    | ĐÚNG |

Câu 4. Chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Trung du miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lớn nhất nước ta. Địa hình với nhiều dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh có sự phân hóa đa dạng. Nơi đây còn giàu có về tài nguyên khoáng sản, tiềm năng thủy điện phong phú, diện tích đất feralit lớn... Đặc điểm tự nhiên đó đã tạo nên các thế mạnh kinh tế đặc trưng của vùng.

|                                                                                                                                                           |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| a) Dãy núi Pu Đen Đinh và Pu Pam Sao chạy dọc biên giới Việt – Lào có hướng vòng cung.                                                                    | SAI  |
| b) Trung du miền núi Bắc Bộ là nơi có mùa đông lạnh nhất nước ta.                                                                                         | ĐÚNG |
| c) Tiềm năng thủy điện tập trung chủ yếu trên hệ thống sông Gâm.                                                                                          | SAI  |
| d) Đất trồng và khí hậu tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới, ngoài ra còn trồng các cây cận nhiệt và ôn đới. | SAI  |

Phần III.

Câu 1. (TH)

Năm 2022, giá trị xuất khẩu nước ta đạt 371,3 tỉ USD, giá trị nhập khẩu đạt 358,9 tỉ USD, liệu trên, tính tỉ trọng giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu %, (làm tròn kết quả đến một số thập phân). **Tổng=730,2 (371,3/730,2x100=)**

Đáp án: 50.8

Câu 2. (TH) Năm 2021, đồng bằng sông Hồng có diện tích gieo trồng lúa cả năm là 970,3 nghìn ha, sản lượng lúa là 6020,4 nghìn tấn. Hãy cho biết **năng suất lúa của vùng năm 2021** là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)=**sl/dt (1 tấn =10 tạ)**

Đáp án: 62

Câu 3 (TH). Cho diện tích và dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 lần lượt là 51,2 nghìn km² và 11,2 triệu người. Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/ km²? (làm tròn đến hàng đơn vị) **ds/dt(11,2/51,2)**

Đáp án: 219

Câu 4. (TH) Cho bảng số liệu:

Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010-2021  
(Đơn vị: nghìn tấn )

| Tiêu chí                    | Năm | 2010  | 2015  | 2020   | 2021   |
|-----------------------------|-----|-------|-------|--------|--------|
| Sản lượng hải sản khai thác |     | 707,1 | 913,6 | 1144,8 | 1167,9 |

(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2021, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tốc độ tăng trưởng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu % nếu lấy năm 2010 là năm gốc? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị) **=2021/2010**

Đáp án: 165

Câu 5. (VD) Cho bảng số liệu:

Một số chỉ số phát triển Ngành bưu chính viễn thông nước ta giai đoạn 2010 - 2021

| Sản phẩm                                        | 2010  | 2015  | 2020  | 2021  |
|-------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh thu dịch vụ bưu chính<br>(nghìn tỉ đồng)  | 6,0   | 11,0  | 25,0  | 26,8  |
| Doanh thu dịch vụ viễn thông<br>(nghìn tỉ đồng) | 177,8 | 284,0 | 321,2 | 316,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy **cho biết tốc độ tăng trưởng** doanh thu dịch vụ viễn thông năm 2021 **thấp hơn doanh thu** dịch vụ bưu chính bao nhiêu % nếu lấy năm 2010 là năm gốc. (làm tròn đến hàng đơn vị) **447-269**

Đáp án: 269

Câu 6. (VD) Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2021

| <div>Vùng</div> <div>Tiêu chí</div> | Đồng bằng sông Hồng | Cả nước |
|-------------------------------------|---------------------|---------|
| Diện tích (nghìn ha)                | 970,3               | 7238,9  |
| Sản lượng (nghìn tấn)               | 6020,4              | 43852,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là bao nhiêu tạ/ha? (Làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân)

Đáp án: 1,47- VD (62.05-60.58)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 7 (VD- GTVT): Năm 2020, khối lượng vận tải hàng hoá của đường sắt nước ta là 5216,3 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của đường sắt nước ta là 3818,9 triệu tấn.km. Cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).klkc/klvc

Đáp án: 732 km

Câu 8 (TH- T/M DL) . Năm 2022, tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta là 730,2 tỉ USD, cán cân thương mại 12,4 tỉ USD. Tính giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị) =370,2+12,4/2

Đáp án: 371 tỉ USD

Câu 9 (TH- T/M DL): Cho bảng số liệu:

Một số chỉ số phát triển Ngành bưu chính viễn thông nước ta giai đoạn 2010 - 2021

| Sản phẩm                                     | 2010  | 2015  | 2020  | 2021  |
|----------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh thu dịch vụ viễn thông (nghìn tỉ đồng) | 177,8 | 284,0 | 321,2 | 316,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng của doanh thu dịch vụ viễn thông năm 2021 so với năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn đến hàng đơn vị)?

Đáp án: 178%

Câu 10(TH- ĐBSH) : Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022

(Đơn vị: °C)

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    | 10   | 11   | 12   |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhiệt độ | 18,6 | 15,3 | 23,1 | 24,8 | 26,8 | 31,4 | 30,6 | 29,9 | 29,0 | 26,2 | 26,0 | 17,8 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ TB năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).31,4-15,3

Đáp án: 16,1 °C

Câu 11 (VD – ĐBSH): Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2021

| <div>Vùng</div> <div>Tiêu chí</div> | Đồng bằng sông Hồng | Cả nước |
|-------------------------------------|---------------------|---------|
| Diện tích (nghìn ha)                | 970,3               | 7238,9  |
| Sản lượng (nghìn tấn)               | 6020,4              | 43852,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là bao nhiêu tạ/ha? (Làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân)

Đáp án: 1,47 tạ/ha.

Câu 12. (TH – BTB) Cho bảng số liệu:

TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG Ở BẮC TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010- 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

| Năm                 | 2010   | 2015   | 2020   | 2021   |
|---------------------|--------|--------|--------|--------|
| Tổng diện tích rừng | 2807,2 | 3045,0 | 3126,7 | 3131,1 |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010 (cho diện tích năm 2010= 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Đáp án: 112%

Câu 13. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG TẠI LAI CHÂU NĂM 2021

(Đơn vị: °C)

| Tháng    | 1    | 2  | 3    | 4    | 5    | 6    |
|----------|------|----|------|------|------|------|
| Lai Châu | 12,6 | 17 | 20,2 | 21,8 | 24,5 | 24,1 |
| Tháng    | 7    | 8  | 9    | 10   | 11   | 12   |
| Lai Châu | 23,9 | 24 | 23,3 | 20,4 | 17   | 14,2 |

(Nguồn: gso.gov.vn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

→ Đáp án: 12C.

Câu 14. Năm 2022, vùng Đồng bằng sông Hồng diện tích cây lương thực có hạt là 1013,2 nghìn ha, sản lượng đạt 6199 nghìn tấn. Tính năng suất cây lương thực của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2022 (đơn vị tính: tạ/ha, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

→ Đáp án: 61,2 tạ/ha.

Câu 15. Tổng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là 3131,1 nghìn ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 2201,5 nghìn ha. Hãy tính tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên của Bắc Trung Bộ năm 2021. (Đơn vị: %, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

→ Đáp án: 70,3%.

Câu 16. Tổng sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ năm 2021 là 705,1 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng là 183,9 nghìn tấn. Hãy tính tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác của vùng Bắc Trung Bộ năm 2021. (Đơn vị: %, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

→ Đáp án: 73,9%.

Câu 17. Tổng sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ là 1268,9 nghìn tấn và dân số là 9405 nghìn người. Hãy tính sản lượng thủy sản bình quân đầu người của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021. (Đơn vị: kg/người, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

→ Đáp án: 134,9 kg/người. 1268,9/9405x1000(1 tấn =1000kg)

Câu 18. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG (DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ) NĂM 2023

(Đơn vị: mm)

| Tháng   | 1     | 2    | 3    | 4    | 5    | 6     | 7    | 8    | 9     | 10     | 11    | 12    |
|---------|-------|------|------|------|------|-------|------|------|-------|--------|-------|-------|
| Đà Nẵng | 184.0 | 88.4 | 15.9 | 22.7 | 55.9 | 106.3 | 89.7 | 32.3 | 456.5 | 1836.2 | 742.0 | 317.2 |

Tính lượng mưa trung bình tháng của Đà Nẵng trong năm 2023. (Đơn vị: mm, làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

→ Đáp án: **328,9 mm.**



